

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2025/DS-ST
Ngày: 30-5-2025
Về việc tranh chấp hợp đồng
tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phượng

Các Hội thẩm nhân dân

1. Ông Trịnh Thế Phương Nam

2. Bà Nguyễn Thị Thu Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Thái Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 30/5/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 47/2025/TLST-DS, ngày 28/02/2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2025/QĐST-DS ngày 06/5/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP L1. Địa chỉ: LBP T đường T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật là: Ông Vũ Quốc K - Quyền tổng giám đốc.

- Người đại diện theo ủy quyền là:

+ Ông Phạm Minh T, sinh năm 1991 - Giám đốc phòng G;

+ Ông Trần Phúc X, sinh năm 2002 - Chuyên viên khách hàng;

+ Ông Nguyễn Bá T1, sinh năm 1997 - Chuyên viên phòng thu hồi nợ Pháp lý phía Nam.

2 Bị đơn: Ông Huỳnh Ngọc T2, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1968. Cùng địa chỉ: Ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

(Đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Bá T1 có đơn xin giải quyết mặt. Ông Huỳnh Ngọc T2, bà Nguyễn Thị Ngọc L vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và lời trình bày của người đại diện là ông Nguyễn Bá T1 trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:*

Ông Huỳnh Ngọc T2 và bà Nguyễn Thị Ngọc L vay vốn tại Ngân hàng TMCP L1 - Chi nhánh L2 - Phòng G theo Hợp đồng tín dụng số HDTD13D202326 ký ngày 08/02/2023; cụ thể số tiền vay 300.000.000 đồng; Thời hạn cho vay 120 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất 15.65%/năm. Lãi suất áp dụng theo phương thức thả nổi và định kỳ điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng; Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm; Mục đích vay tiêu dùng.

Kỳ hạn trả nợ gốc: Gốc trả thành 20 kỳ (mỗi kỳ tương ứng 06 tháng), từ kỳ 01 đến kỳ 20 mỗi kỳ trả số tiền cố định là 15.000.000 đồng, trả vào ngày 15 của kỳ trả gốc. Kỳ hạn trả lãi: Lãi trả 03 tháng 01 lần theo dư nợ thực tế, trả vào ngày 15 của kỳ trả lãi.

Tài sản đảm bảo khoản vay: Các nội dung cụ thể về đảm bảo nghĩa vụ được thực hiện theo thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HDTC13D202318 ký ngày 08/02/2023, công chứng tại Văn phòng C ngày 08/02/2023, số công chứng: 414, quyền số 02/2023TP/CC-SCC/HĐGD. Đăng ký Giao dịch đảm bảo ngày 08/02/2023 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T, tỉnh Long An. Theo đó, tài sản bảo đảm là toàn bộ quyền sử dụng đất, các tài sản, quyền và lợi ích khác thuộc:

Tài sản 01: Thửa đất số 903, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.448m², loại đất trồng lúa (LUA), tọa lạc ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Long An, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 620174, số vào sổ cấp GCN: CH 01260 do UBND huyện T, tỉnh Long An cấp ngày 20/3/2013, cập nhật thay đổi ngày 07/8/2013, 01/11/2022 cho ông Huỳnh Ngọc Tràng .

Tài sản 02: Thửa đất số 978, diện tích 1.247m², loại đất lúa; Thửa 1008, diện tích 2.070m², loại đất Hg/b; Thửa đất số 979, loại đất thổ, diện tích 2.444m², cùng tờ bản đồ số 3, tọa lạc ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Long An, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 058036, số vào sổ cấp GCN: I854QSDĐ/0303LA do UBND huyện T, tỉnh Long An cấp ngày 20/12/1996, cập nhật thay đổi ngày 09/01/2004, 07/8/2013, 11/8/2014, 10/9/2014, 01/11/2022. Chủ sử dụng đất là ông Huỳnh Ngọc Tràng .

Thực hiện hợp đồng: Ngân hàng đã giải ngân cho ông Huỳnh Ngọc T2 và bà Nguyễn Thị Ngọc L theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 13D202326/01 ký ngày 09/02/2023 với tổng số tiền đã giải ngân là 300.000.000 đồng. Tuy nhiên đến ngày 02/01/2025, ông Huỳnh Ngọc T2 và bà Nguyễn Thị Ngọc L chỉ trả cho Ngân hàng tổng cộng số tiền là 74.480.979 đồng, trong đó trả nợ gốc là 30.656.773 đồng, trả nợ lãi là 43.824.206 đồng. Ông Huỳnh Ngọc T2 và bà Nguyễn Thị Ngọc L chưa thanh toán cho Ngân hàng nợ gốc, nợ lãi và lãi

chậm trả phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ đã ký kết. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhắc nhở thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông Huỳnh Ngọc T2 và bà Nguyễn Thị Ngọc L vẫn không thực hiện thanh toán nợ đúng hạn, không có thiện chí hợp tác với Ngân hàng để trả nợ.

Trên cơ sở những nội dung đã trình bày ở trên, Ngân hàng TMCP L1 khởi kiện yêu cầu như sau:

Buộc ông Huỳnh Ngọc T2 và bà Nguyễn Thị Ngọc L thanh toán một lần cho Ngân hàng TMCP L1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/5/2025 là 316.179.205 đồng. Trong đó gồm: Nợ gốc 269.343.227 đồng; nợ lãi 41.470.356 đồng; nợ lãi chậm trả gốc là 3.660.853 đồng; nợ lãi chậm trả lãi là 1.704.769 đồng.

Ngoài ra, Ông Huỳnh Ngọc T2 và bà Nguyễn Thị Ngọc L tiếp tục phải chịu lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định trong từng Hợp đồng tín dụng, Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ mà ông Huỳnh Ngọc T2 và bà Nguyễn Thị Ngọc L đã ký kết với Ngân hàng.

Ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Huỳnh Ngọc T2 và bà Nguyễn Thị Ngọc L không trả nợ hoặc chỉ trả được một phần khoản nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi toàn bộ khoản nợ gồm:

Thửa đất số 903, diện tích 1.448m², loại đất trồng lúa;

Thửa đất số 978, diện tích 1.247m², loại đất lúa;

Thửa 1008, diện tích 2.070m², loại đất Hg/b;

Thửa đất số 979, diện tích 2.444m², loại đất thổ;

Cùng tờ bản đồ số 3, tọa lạc ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

Trường hợp tài sản bảo đảm phát mãi không đủ để thu hồi khoản nợ cho Ngân hàng thì ông Huỳnh Ngọc T2 và bà Nguyễn Thị Ngọc L vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

* Bị đơn ông Huỳnh Ngọc T2 trình bày tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 18/4/2025 như sau: Do chưa bán được đất nên ông đề nghị Ngân hàng cho vợ chồng ông trả nợ vào ngày 18/5/2025.

Ông Huỳnh Ngọc T2 và bà Nguyễn Thị Ngọc L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không làm bản tự khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào và không có văn bản ý kiến phản hồi hay yêu cầu gì đối với việc khởi kiện của Ngân hàng TMCP L1, cũng như vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không được do ông T2, bà L vắng mặt.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ông T2, bà L không cung cấp được tài liệu thể hiện đã tất toán nợ. Ngân hàng TMCP L1 cho vay với lãi suất phù hợp Điều 463, 466 và Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung 2017), Luật tổ chức tín dụng năm 2024. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP L1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP L1 với ông Huỳnh Ngọc T2, bà Nguyễn Thị Ngọc L là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Căn cứ vào nơi cư trú của bị đơn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An theo quy định tại Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự: Đại diện Ngân hàng có đơn xin giải quyết vắng mặt. Ông Huỳnh Ngọc T2, bà Nguyễn Thị Ngọc L vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa, nên Tòa án xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP L1 đòi ông Huỳnh Ngọc T2, bà Nguyễn Thị Ngọc L số tiền gốc vay và lãi suất:

Ông Huỳnh Ngọc T2 và bà Nguyễn Thị Ngọc L có ký kết Hợp đồng tín dụng số HDTD13D202326 ngày 08/02/2023 với Ngân hàng TMCP L1 - Chi nhánh L2 - Phòng G để vay số tiền 300.000.000 đồng với thời hạn vay là 120 tháng, lãi suất cho vay theo phương thức thả nổi là 15,65%/năm. Lãi suất nợ gốc quá hạn được tính bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Hợp đồng tín dụng được thể hiện rõ ràng, hợp pháp, được ký kết trên cơ sở tự nguyện giữa các bên, phù hợp với Luật Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung 2017).

[2.2] Ngân hàng đã thực hiện việc giải ngân đầy đủ theo Giấy đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 13D202326/01 ngày 09/02/2023 với tổng số tiền là 300.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến ngày 02/01/2025, phía bị đơn mới thanh toán tổng cộng 74.480.979 đồng, trong đó trả nợ gốc 30.656.773 đồng và trả lãi 43.824.206 đồng. Phía bị đơn chưa thanh toán đầy đủ các khoản nợ gốc còn lại,

tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi chậm trả theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng đã ký. Như vậy, bị đơn đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán.

[2.3] Để bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán khoản vay, ông Huỳnh Ngọc T2, bà Nguyễn Thị Ngọc L đã cùng Ngân hàng ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HDTTC13D202318 ngày 08/02/2023. Hợp đồng được công chứng tại Văn phòng C, tỉnh Long An cùng ngày, được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C. Các tài sản thế chấp được xác định cụ thể như sau:

Tài sản thứ nhất: Quyền sử dụng đất tại thửa số 903, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.448m², loại đất lúa (LUA), tọa lạc tại ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Long An. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 620174, số vào sổ cấp GCN: CH 01260 do UBND huyện T cấp ngày 20/3/2013, cập nhật thay đổi các ngày 07/8/2013 và 01/11/2022, đứng tên ông Huỳnh Ngọc Tràng .

Tài sản thứ hai: Bao gồm ba thửa đất:

Thửa số 978: Diện tích 1.247m², loại đất lúa.

Thửa số 1008: Diện tích 2.070m², loại đất hàng năm khác (Hg/b).

Thửa số 979: Diện tích 2.444m², loại đất thổ.

Các thửa đất này cùng tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Long An. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 058036, số vào sổ cấp GCN: I854QSĐĐ/0303LA do UBND huyện T cấp ngày 20/12/1996, có các lần cập nhật ngày 09/01/2004, 07/8/2013, 11/8/2014, 10/9/2014 và 01/11/2022, đứng tên ông Huỳnh Ngọc Tràng .

[2.4] Việc thế chấp các tài sản nêu trên là hoàn toàn hợp pháp, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật, được đăng ký giao dịch bảo đảm. Do đó, khi bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý các tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định tại các Điều 303 Bộ luật Dân sự 2015.

[2.5] Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 18/4/2025, ông Huỳnh Ngọc T2 thừa nhận có khoản vay tại Ngân hàng và xin được trả nợ vào ngày 18/5/2025 do chưa bán được đất. Tuy nhiên, đến nay bị đơn không trả nợ hoặc đưa ra kế hoạch cụ thể để thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

[2.6] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP L1 là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật, cần được chấp nhận toàn bộ. Buộc ông Huỳnh Ngọc T2, bà Nguyễn Thị Ngọc L phải trả cho Ngân hàng TMCP L1 số tiền tạm tính đến ngày 30/5/2025 là 316.179.205 đồng. Trong đó gồm: Nợ gốc 269.343.227 đồng, nợ lãi 41.470.356 đồng, nợ lãi chậm trả gốc là 3.660.853 đồng, nợ lãi chậm trả lãi là 1.704.769 đồng.

[2.7] Kể từ ngày 31/5/2025, ông T2, bà L phải tiếp tục phải chịu lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ mà ông Huỳnh Ngọc T2 và bà Nguyễn Thị Ngọc L đã ký kết với Ngân hàng.

Trường hợp ông Huỳnh Ngọc T2 và bà Nguyễn Thị Ngọc L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý toàn bộ tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi khoản nợ. Trường hợp giá trị tài sản thế chấp không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ, bị đơn vẫn phải tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán phần còn thiếu cho đến khi dứt điểm toàn bộ khoản nợ theo đúng hợp đồng đã ký kết.

Tiếp tục Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HDTC13D202318 ngày 08/02/2023 để đảm bảo thi hành án.

[2.8] Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP L1 đối với ông T2, bà L như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa.

[3] Về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm:

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.300.000 đồng: Căn cứ Điều 156 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông T2, bà L phải chịu. Ngân hàng TMCP L1 đã tạm ứng trước nên ông T2, bà L phải hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền 1.300.000 đồng.

Về án phí: Căn cứ theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc ông Huỳnh Ngọc T2 và bà Nguyễn Thị Ngọc L phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% đối với số tiền 316.179.205 đồng là 15.808.960 đồng.

Ngân hàng TMCP L1 không phải chịu án phí. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 156, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Áp dụng các Điều 292, 293, 295, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017), Luật tổ chức tín dụng năm 2024).

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP L1 đối với ông Huỳnh Ngọc T2, bà Nguyễn Thị Ngọc L về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

Buộc ông Huỳnh Ngọc T2 và bà Nguyễn Thị Ngọc L trả cho Ngân hàng TMCP L1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/5/2025 là 316.179.205 đồng. (Trong đó: Nợ gốc 269.343.227 đồng, nợ lãi 41.470.356 đồng, nợ lãi chậm trả gốc là 3.660.853 đồng, nợ lãi chậm trả lãi là 1.704.769 đồng.)

2. Kể từ ngày 31/5/2025, ông Huỳnh Ngọc T2 và bà Nguyễn Thị Ngọc L tiếp tục phải chịu lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ

theo quy định trong Hợp đồng tín dụng số HDTD13D202326 ngày 08/02/2023, Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 09/02/2023.

3. Ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Huỳnh Ngọc T2 và bà Nguyễn Thị Ngọc L không trả nợ hoặc chỉ trả được một phần khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số HDTD13D202326 ngày 08/02/2023, Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ đã ký ngày 09/02/2023 thì Ngân hàng TMCP L1 được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo gồm:

- Tài sản thứ nhất: Quyền sử dụng đất tại thửa số 903, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.448m², loại đất lúa (LUA), tọa lạc ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Long An. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 620174, sổ vào sổ cấp GCN: CH 01260 do UBND huyện T cấp ngày 20/3/2013, cập nhật thay đổi các ngày 07/8/2013 và 01/11/2022, đứng tên ông Huỳnh Ngọc Tràng .

- Tài sản thứ hai: Bao gồm 03 thửa đất:

Thửa số 978: Diện tích 1.247m², loại đất lúa.

Thửa số 1008: Diện tích 2.070m², loại đất hàng năm khác (Hg/b).

Thửa số 979: Diện tích 2.444m², loại đất thổ.

Ba thửa đất này cùng tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Long An. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 058036, sổ vào sổ cấp GCN: I854QSDĐ/0303LA do UBND huyện T cấp ngày 20/12/1996, có các lần cập nhật ngày 09/01/2004, 07/8/2013, 11/8/2014, 10/9/2014 và 01/11/2022, đứng tên ông Huỳnh Ngọc Tràng .

4. Trường hợp tài sản bảo đảm phát mãi không đủ để thu hồi khoản nợ cho Ngân hàng TMCP L1 thì ông Huỳnh Ngọc T2 và bà Nguyễn Thị Ngọc L vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP L1.

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.300.000 đồng. Ông Huỳnh Ngọc T2, bà Nguyễn Thị Ngọc L phải chịu. Ngân hàng TMCP L1 đã tạm ứng trước nên ông Huỳnh Ngọc T2, bà Nguyễn Thị Ngọc L phải hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP L1 số tiền 1.300.000 đồng.

Kể từ ngày Ngân hàng TMCP L1 có đơn yêu cầu thi hành án, thì ông Huỳnh Ngọc T2, bà Nguyễn Thị Ngọc L phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Huỳnh Ngọc T2, bà Nguyễn Thị Ngọc L phải chịu 15.808.960 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Ngân hàng TMCP L1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP L1 7.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai

thu số 0009508, ngày 17/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

7. Án xử sơ thẩm, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- CCTHADS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Mỹ Phượng